



TON DONG A

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025

THÁNG 04 NĂM 2025





TON DONG A

TÔN KÉM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001 ISO 14001

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B01 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ 31/03/2025	Số đầu kỳ 01/01/2025
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		9.777.127.821.366	10.338.423.091.776
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	797.091.296.346	811.027.391.399
Tiền	111		748.798.435.063	811.027.391.399
Các khoản tương đương tiền	112		48.292.861.283	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	2.580.975.257.975	3.221.633.265.825
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		2.580.975.257.975	3.221.633.265.825
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.501.862.100.167	1.242.365.214.255
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	1.246.878.242.668	1.211.559.391.880
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	18.306.253.681	14.341.792.110
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		199.493.512.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	65.483.295.527	47.367.616.434
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.3	(28.299.203.709)	(30.903.586.169)
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	4.404.752.740.127	4.584.590.741.297
Hàng tồn kho	141		4.576.354.721.909	4.835.991.887.109
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(171.601.981.782)	(251.401.145.812)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		492.446.426.751	478.806.479.000
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	26.379.398.346	32.029.733.527
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	V.15	465.246.402.492	446.756.758.633
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.15	820.625.913	19.986.840



TÔN ĐÔNG Á

TÔN KẼM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001 ISO 14001

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B01 – DN/HN
(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ 31/03/2025	Số đầu kỳ 01/01/2025
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.585.547.668.888	2.600.544.115.619
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		13.925.154.916	13.524.804.916
Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.4	6.435.000	6.435.000
Phải thu dài hạn khác	216	V.5	13.918.719.916	13.518.369.916
II. Tài sản cố định	220		1.938.290.524.749	1.942.246.136.936
Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	1.709.078.574.958	1.715.803.984.870
- Nguyên giá	222		4.609.063.504.785	4.558.176.045.474
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(2.899.984.929.827)	(2.842.372.060.604)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.9	105.978.110.010	103.377.490.380
- Nguyên giá	225		144.995.180.732	137.560.662.212
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	226		(39.017.070.722)	(34.183.171.832)
Tài sản cố định vô hình	227	V.10	123.233.839.781	123.064.661.686
- Nguyên giá	228		141.763.273.727	141.291.673.727
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229		(18.529.433.946)	(18.227.012.041)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.11	70.975.380.482	65.722.024.716
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		26.151.160.945	25.621.793.759
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		44.824.219.537	40.100.230.957
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	110.000.000.000	110.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		110.000.000.000	110.000.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		452.356.608.741	469.051.149.051
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	404.452.708.159	404.395.240.995
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		40.338.716.980	56.872.498.004
Lợi thế thương mại	269	V.12	7.565.183.602	7.783.410.052
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		12.362.675.490.254	12.938.967.207.395



TÔN ĐÔNG Á

TÔN KÉM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001

ISO 14001

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B01 – DN/HN
(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2025

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ 31/03/2025	Số đầu kỳ 01/01/2025
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		8.514.092.039.196	9.123.862.004.956
I. Nợ ngắn hạn	310		8.375.476.016.770	9.001.585.506.436
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	1.447.899.332.818	1.842.938.322.215
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	69.875.195.939	60.367.214.283
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	39.175.543.081	225.462.074.067
Phải trả người lao động	314		28.261.411.555	37.039.947.871
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		2.234.774.648	12.039.866.765
Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	66.084.385.167	2.755.507.742
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	6.675.166.137.872	6.778.798.090.852
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		46.779.235.690	42.184.482.641
II. Nợ dài hạn	330		138.616.022.426	122.276.498.520
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17	82.930.358.464	66.590.834.558
Trái phiếu chuyển đổi	339	V.18	55.685.663.962	55.685.663.962
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		3.848.583.451.058	3.815.105.202.439
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	3.848.583.451.058	3.815.105.202.439
Vốn cổ phần	411		1.146.915.100.000	1.146.915.100.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411A		1.146.915.100.000	1.146.915.100.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		834.436.453.483	834.436.453.483
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		1.931.977.742	1.931.977.742
Quỹ đầu tư phát triển	418		3.430.602.730	3.430.602.730
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.859.819.695.153	1.826.339.918.321
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421A		1.797.127.474.602	1.484.481.936.182
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421B		62.692.220.551	341.857.982.139
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		2.049.621.950	2.051.150.163
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		12.362.675.490.254	12.938.967.207.395

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Võ Công Danh

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Trần Lệ Xuân

Ngày 24 tháng 04 năm 2025

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Hồ Song Ngọc



TON DONG A

TÔN KÈM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001

ISO 14001

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương
Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B02 – DN/HN
(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý I năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	QUÝ I		Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03	
			Năm 2025	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2024
I	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.1	3.978.057.960.979	4.102.074.332.574	3.978.057.960.979	4.102.074.332.574
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		1.465.729.314	2.964.334.799	1.465.729.314	2.964.334.799
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		3.976.592.231.665	4.099.109.997.775	3.976.592.231.665	4.099.109.997.775
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	VI.2	3.694.136.378.519	3.752.433.609.571	3.694.136.378.519	3.752.433.609.571
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ cung cấp (20 = 10 - 11)	20		282.455.853.146	346.676.388.204	282.455.853.146	346.676.388.204
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.1	63.137.023.608	80.603.736.570	63.137.023.608	80.603.736.570
7. Chi phí tài chính	22	VI.3	80.690.104.254	61.960.864.101	80.690.104.254	61.960.864.101
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		60.157.646.415	52.271.842.346	60.157.646.415	52.271.842.346
8. Chi phí bán hàng	25	VI.4	164.015.212.016	225.253.214.161	164.015.212.016	225.253.214.161
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	21.290.231.666	21.154.411.079	21.290.231.666	21.154.411.079
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		79.597.328.818	118.911.635.433	79.597.328.818	118.911.635.433
11. Thu nhập khác	31	VI.6	2.914.972.852	1.857.505.183	2.914.972.852	1.857.505.183
12. Chi phí khác	32	VI.6	907.419.229	555.766.401	907.419.229	555.766.401
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		2.007.553.623	1.301.738.782	2.007.553.623	1.301.738.782
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		81.604.882.441	120.213.374.215	81.604.882.441	120.213.374.215
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	2.380.409.079	46.569.515.187	2.380.409.079	46.569.515.187
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.7	16.533.781.024	(21.770.149.861)	16.533.781.024	(21.770.149.861)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		62.690.692.338	95.414.008.889	62.690.692.338	95.414.008.889
18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		62.692.220.551	95.413.974.309	62.692.220.551	95.413.974.309
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(1.528.213)	34.580	(1.528.213)	34.580

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Võ Công Danh

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Trần Lệ Xuân

Ngày 24 tháng 04 năm 2025

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Hồ Song Ngọc



TON DONG A

TÔN KẼM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001

ISO 14001

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B03 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1	81.604.882.441	120.213.374.215
Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao và hao mòn	2	66.090.486.603	87.127.127.941
Hoàn nhập (Trích lập) các khoản dự phòng	3	(82.403.546.490)	109.678.508.235
Lãi từ hoạt động đầu tư	5	(20.405.568.035)	(38.310.769.048)
Chi phí lãi vay	6	60.157.646.415	52.271.842.346
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8	105.043.900.934	330.980.083.689
Tăng (Giảm) các khoản phải thu	9	(93.843.242.694)	318.887.872.202
Giảm (Tăng) hàng tồn kho	10	259.107.798.014	(1.737.886.083.609)
Giảm (Tăng) các khoản phải trả	11	(512.133.243.818)	806.729.134.041
Giảm chi phí trả trước	12	5.592.868.017	1.850.155.504
Tiền lãi vay đã trả	14	(68.017.684.556)	(60.029.731.931)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(12.408.452.611)	(19.474.220.973)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(21.459.654.913)	(21.103.443.954)
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh	20	(338.117.711.627)	(380.046.235.031)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm tài sản cố định	21	(60.812.147.301)	(3.220.861.225)
Tiền thu do thanh lý tài sản cố định	22	3.194.444.440	348.196.230
Tiền chi để mua trái phiếu, gửi ngân hàng có kỳ hạn và cho vay	23	(921.316.795.245)	(3.114.651.171.034)
Tiền thu từ bán trái phiếu, tất toán tiền gửi ngân hàng và thu hồi khoản cho vay	24	1.362.481.291.095	2.460.382.257.075
Tiền thu lãi đầu tư trái phiếu, lãi tiền gửi và lãi cho vay	27	36.152.252.659	56.242.128.516
Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư	30	419.699.045.648	(600.899.450.438)



TON DONG A

TÔN KÉM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001

ISO 14001

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B03 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	-	-
Tiền thu từ đi vay	33	3.956.639.897.184	4.619.571.817.659
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(4.042.472.931.531)	(3.918.985.702.085)
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35	(9.475.394.727)	(8.042.036.663)
Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	36	(209.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính	40	(95.517.429.074)	692.544.078.911
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(13.936.095.053)	(288.401.606.558)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	811.027.391.399	1.193.754.292.296
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	797.091.296.346	905.352.685.738

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Võ Công Danh

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Trần Lệ Xuân

Ngày 24 tháng 04 năm 2025

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Hồ Song Ngọc



CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 - DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)*Vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày***I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tôn Đông Á (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) số 3700255880 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 2 tháng 2 năm 2009 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

2. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và các công ty con (“Nhóm Công ty”) là sản xuất thép, thép mạ, khung kèo thép và các sản phẩm cơ khí; mua bán thép, vật liệu xây dựng, vật tư, nguyên nhiên liệu, máy móc thiết bị; xây dựng dân dụng, công nghiệp và vận chuyển hàng hóa đường bộ.

3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng.**4. Mô hình hoạt động:**

Công ty có trụ sở chính tại Số 5 Đường số 5, Khu Công nghiệp Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có hai (2) văn phòng đại diện tại Số 21 - 23 Hồ Văn Huê, Phường 9, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam; và tại Tầng 2, Lô 201-203, Đường Lê Đức Thọ, Phường Trần Hưng Đạo, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam và một (1) chi nhánh tại Lô A3, đường D4, Khu Công nghiệp Đồng An 2, Phường Hòa Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 là: 1.495 người (ngày 1 tháng 1 năm 2025: 1.481 người).

Cơ cấu tổ chức

Công ty có sáu (6) công ty con. Chi tiết như sau:

Danh sách công ty con	Tỷ lệ sở hữu(%)	Tỷ lệ biểu quyết(%)
1. Công ty TNHH Một thành viên Tôn Đông Á Long An Địa Chỉ: Lô D9, Đường số 4, Khu công nghiệp Nhựt Chánh, Xã Nhựt Chánh, Huyện Bến Lức, Long An, Việt Nam	100	100
2. Công ty TNHH Một thành viên Tôn Đông Á Đà Nẵng Địa Chỉ: Lô D, Đường số 4, Khu công nghiệp Hòa Khánh, Phường Hoà Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	100	100
3. Công Ty TNHH MTV Logistics Hưng Việt (Trước đây là Công ty TNHH MTV Tôn Đông Á Bình Dương) Địa Chỉ: Lô CN16 ô số 9-10, đường số 6, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Kể từ ngày 14 tháng 1 năm 2025, Công ty đổi tên thành Công ty TNHH Một thành viên Logistics Hưng Việt theo GCNĐKDN đăng ký thay đổi lần thứ 9.	100	100
4. Công ty TNHH Một thành viên Tôn Đông Á Bắc Ninh Địa Chỉ: Nhà RBF -Q, khu RBF, số 36, đường 05, VSIP Bắc Ninh, Xã Đại Đồng, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	100	100
5. Công ty TNHH Một thành viên Đông Á – Phú Mỹ Địa Chỉ: Lô Q1, đường D3, Khu công nghiệp Chuyên Sâu Phú Mỹ 3, Phường Phước Hòa, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam	100	100
6. Công Ty TNHH TM Đầu Tư và Xây Dựng Tổng Hợp SBC Miền Trung Địa chỉ: Đường Võ Như Hưng, Khối Phố Quảng Hậu Đông Phường Điện Nam Trung, Thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam	95	95



CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần I, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 - DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)*Vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày***II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****1. Kỳ kế Toán**

Kỳ kế toán của Nhóm Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Nhóm Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư hướng dẫn, bổ sung, sửa đổi.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Nhóm Công ty được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam. Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. và hàng hóa để bán lại

Thành phẩm và chi phí sản xuất, - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.



CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 - DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)*Vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày***3. Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty không có khả năng thu hồi vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

5. Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được ghi nhận được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.



CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 - DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)*Vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày***7. Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định thuê tài chính, và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc thiết bị	5 - 15 năm
Phương tiện vận tải	5 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm
Phần mềm máy tính	3 - 8 năm

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà kho và lắp ráp dây chuyền sản xuất, máy móc và thiết bị của Nhóm Công ty mà các công việc này chưa được hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm, ngoại trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất trong thời hạn 30 và 45 năm. Theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 ban hành bởi Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

11. Các khoản đầu tư*Đầu tư vào công ty con*

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.



CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 - DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)*Vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày***12. Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

13. Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi, mà có thể được chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu phổ thông cố định, được phân chia thành nợ phải trả tài chính (cho phần thỏa thuận mang tính bắt buộc phải chi trả bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác) và vốn chủ sở hữu (phần quyền chuyển đổi thành cổ phiếu trong một thời gian nhất định) theo điều khoản hợp đồng.

Vào ngày phát hành, giá trị hợp lý của thành phần nợ phải trả tài chính trong trái phiếu chuyển đổi được xác định bằng cách chiết khấu giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán trong tương lai (gồm cả nợ gốc và lãi trái phiếu) về giá trị hiện tại theo lãi suất của trái phiếu không chuyển đổi tương tự trên thị trường và trừ đi chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi.

Phần còn lại trong tổng tiền thu được từ phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ cho quyền chuyển đổi và được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. Giá trị ghi sổ của quyền chuyển đổi không được đánh giá lại trong các kỳ sau.

14. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thực hiện thanh toán.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau;

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

15. Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên:



CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 - DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)*Vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày**Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được ghi nhận như là một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

16. Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi, lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

17. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

18. Thuế*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành (tiếp theo)

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.



TON DONG A

TÔN KÈM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001

ISO 14001

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 - DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)*Vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày**Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế (hoặc lỗ thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có thu nhập chịu thuế để sử dụng những khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế (hoặc lỗ thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

19. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.



TON DONG A

TÔN KẼM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001

ISO 14001

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Di An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/03/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	13.198.159.987	503.754.559
Tiền gửi ngân hàng	735.600.275.076	810.523.636.840
Các khoản tương đương tiền	48.292.861.283	-
TỔNG CỘNG	797.091.296.346	811.027.391.399

2. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/03/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn	454.000.000.000	599.000.000.000
Trái phiếu	2.126.975.257.975	2.622.633.265.825
CỘNG	2.580.975.257.975	3.221.633.265.825
Dài hạn		
Trái phiếu	110.000.000.000	110.000.000.000
CỘNG	110.000.000.000	110.000.000.000
TỔNG CỘNG	2.690.975.257.975	3.331.633.265.825

3. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/03/2025	01/01/2025
	VND	VND
Công Ty TNHH TM DV XNK Minh Minh	141.210.944.421	83.351.268.948
Công Ty TNHH Thép Hạnh Hiếu	113.492.619.782	3.085.187.068
Phải thu khách hàng khác	992.174.678.465	1.118.695.831.107
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh VII)	-	6.427.104.757
TỔNG CỘNG	1.246.878.242.668	1.211.559.391.880
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(28.299.203.709)	(30.903.586.169)
GIÁ TRỊ THUẦN	1.218.579.038.959	1.180.655.805.711

Công ty đã sử dụng một số khoản phải thu khách hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng



TON DONG A

TÔN KẼM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001

ISO 14001

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 - DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

4. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/03/2025	01/01/2025
	VND	VND
NGẮN HẠN		
Công ty TNHH Sản Xuất - Thương Mại - Dịch Vụ Minh Phát	7.737.791.855	5.255.725.342
Công Ty TNHH Xây Dựng Thương Mại Quảng Cáo Á Đông	6.451.046.976	3.924.391.591
Nhà cung cấp khác	4.117.414.850	5.161.675.177
CỘNG	18.306.253.681	14.341.792.110
DÀI HẠN		
Nhà cung cấp khác	6.435.000	6.435.000
CỘNG	6.435.000	6.435.000
TỔNG CỘNG	18.312.688.681	14.348.227.110

5. PHẢI THU KHÁC

	31/03/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn		
Ký quỹ, ký cược	42.355.039.179	11.295.605.400
Phải thu chi hộ	322.585.000	189.062.400
Lãi dự thu	12.081.846.871	29.806.028.638
Khác	10.723.824.477	6.076.919.996
CỘNG	65.483.295.527	47.367.616.434
Dài hạn		
Ký quỹ, ký cược	13.918.719.916	13.518.369.916
CỘNG	13.918.719.916	13.518.369.916
TỔNG CỘNG	79.402.015.443	60.885.986.350



TON DONG A

TÔN KẼM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001

ISO 14001

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

6. HÀNG TỒN KHO

	31/03/2025 VND	01/01/2025 VND
Thành phẩm	2.382.213.026.880	2.221.560.321.859
Nguyên liệu, vật liệu	1.307.593.311.060	1.781.098.691.630
Hàng đang đi trên đường	835.348.354.927	782.090.916.278
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	46.625.607.991	46.522.923.242
Công cụ, dụng cụ	3.147.787.576	3.200.550.074
Hàng hoá	1.426.633.475	1.518.484.026
TỔNG CỘNG	4.576.354.721.909	4.835.991.887.109
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(171.601.981.782)	(251.401.145.812)
Giá trị thuần	4.404.752.740.127	4.584.590.741.297

Công ty đã sử dụng một số hàng tồn kho của Công ty để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 /03/2025 VND	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 /03/2024 VND
Số đầu kỳ	251.401.145.812	83.954.703.493
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	171.601.981.782	194.751.604.366
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(251.401.145.812)	(83.954.703.493)
Số cuối kỳ	171.601.981.782	194.751.604.366

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/03/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn	26.379.398.346	32.029.733.527
Công cụ, dụng cụ đang dùng	16.592.018.229	18.279.263.444
Khác	9.787.380.117	13.750.470.083
Dài hạn	404.452.708.159	404.395.240.995
Tiền thuê đất trả trước (*)	285.453.271.840	286.977.016.879
Công cụ, dụng cụ đang dùng	80.690.224.665	79.928.271.985
Khác	38.309.211.654	37.489.952.131
TỔNG CỘNG	430.832.106.505	436.424.974.522

(*) Công ty đã sử dụng một số quyền sử dụng đất của Công ty để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng



TON DONG A

TÔN KÉM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001 ISO 14001

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 - DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2025	795.356.293.262	3.514.721.429.889	229.574.874.157	18.140.120.353	383.327.813	4.558.176.045.474
Đầu tư xây dựng cơ bản	-	-	-	-	-	-
Mua trong kỳ	2.119.813.368	52.081.837.353	906.528.000	508.380.000	-	55.616.558.721
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	-	-	-	-	-
Thanh lý	-	-	(4.729.099.410)	-	-	(4.729.099.410)
Tại ngày 31/03/2025	797.476.106.630	3.566.803.267.242	225.752.302.747	18.648.500.353	383.327.813	4.609.063.504.785
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	34.074.703.970	1.188.902.793.601	47.679.506.580	13.067.985.279	-	1.283.724.989.430
Giá trị khấu hao lũy kế						
Tại ngày 01/01/2025	279.591.512.110	2.374.075.547.766	172.014.622.691	16.428.122.604	262.255.433	2.842.372.060.604
Khấu hao trong kỳ	9.032.784.988	46.155.433.183	5.328.125.413	209.101.474	10.494.300	60.735.939.358
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	-	-	-	-	-
Thanh lý	-	-	(3.123.070.135)	-	-	(3.123.070.135)
Tại ngày 31/03/2025	288.624.297.098	2.420.230.980.949	174.219.677.969	16.637.224.078	272.749.733	2.899.984.929.827
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2025	515.764.781.152	1.140.645.882.123	57.560.251.466	1.711.997.749	121.072.380	1.715.803.984.870
Tại ngày 31/03/2025	508.851.809.532	1.146.572.286.293	51.532.624.778	2.011.276.275	110.578.080	1.709.078.574.958



TON DONG A

TÔN KÈM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001

ISO 14001

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 - DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2025	26.241.620.302	111.319.041.910	137.560.662.212
Thuê trong kỳ	-	7.434.518.520	7.434.518.520
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	-	-
Tại ngày 31/03/2025	26.241.620.302	118.753.560.430	144.995.180.732
Giá trị khấu hao lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2025	3.772.188.754	30.410.983.078	34.183.171.832
Khấu hao trong kỳ	656.040.510	4.177.858.380	4.833.898.890
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	-	-
Tại ngày 31/03/2025	4.428.229.264	34.588.841.458	39.017.070.722
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2025	22.469.431.548	80.908.058.832	103.377.490.380
Tại ngày 31/03/2025	21.813.391.038	84.164.718.972	105.978.110.010

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2025	117.526.300.000	23.765.373.727	141.291.673.727
Mua mới	-	471.600.000	471.600.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-
Tại ngày 31/03/2025	117.526.300.000	24.236.973.727	141.763.273.727
Trong đó:			
Đã khấu hao hết	-	15.673.326.727	15.673.326.727
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2025	-	18.227.012.041	18.227.012.041
Hao mòn trong kỳ	-	302.421.905	302.421.905
Tại ngày 31/03/2025	-	18.529.433.946	18.529.433.946
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2025	117.526.300.000	5.538.361.686	123.064.661.686
Tại ngày 31/03/2025	117.526.300.000	5.707.539.781	123.233.839.781



TON DONG A

TÔN KẼM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001

ISO 14001

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 - DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/03/2025	01/01/2025
	VND	VND
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		
Dự án đất nền	26.151.160.945	25.621.793.759
TỔNG CỘNG	26.151.160.945	25.621.793.759
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
Mua sắm tài sản	34.601.767.900	35.003.450.421
Khác	10.222.451.637	5.096.780.536
TỔNG CỘNG	44.824.219.537	40.100.230.957
TỔNG CỘNG	70.975.380.482	65.722.024.716

12. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	31/03/2025	01/01/2025
	VND	VND
Công ty TNHH Thương mại Đầu tư và Xây dựng	7.565.183.602	7.783.410.052
Tổng hợp SBC Miền Trung		
TỔNG CỘNG	7.565.183.602	7.783.410.052

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/03/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn		
Công ty TNHH Becker Industrial Coatings Việt Nam	128.019.815.338	125.435.599.670
Công ty Cổ Phần CNG Việt Nam	66.892.747.224	60.367.719.017
Jfe Shoji Corporation	110.630.682.003	241.554.692.470
Phải trả cho người bán Khác	282.059.735.522	703.082.864.548
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh VII)	860.296.352.731	712.497.446.510
TỔNG CỘNG	1.447.899.332.818	1.842.938.322.215

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/03/2025	01/01/2025
	VND	VND
Hanwa Singapore (Private) Limited	8.897.364.751	13.664.536.255
PT.Kepuh Kencana Arum	14.456.256.627	-
Người mua trả tiền trước khác	46.521.574.561	46.702.678.028
TỔNG CỘNG	69.875.195.939	60.367.214.283



TON DONG A

TÔN KÈM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001

ISO 14001

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 - DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Số dư tại ngày 01/01/2025	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số dư tại ngày 31/03/2025
Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	19.986.840	-	-	19.986.840
Thuế giá trị gia tăng	446.756.758.633	441.150.957.257	422.661.313.398	465.246.402.492
Thuế Thu nhập cá nhân	-	800.639.073	-	800.639.073
Khác	-	-	-	-
TỔNG CỘNG	446.776.745.473	441.951.596.330	422.661.313.398	466.067.028.405
Phải trả				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	120.792.056.675	2.380.409.079	120.792.056.677	2.380.409.077
Thuế giá trị gia tăng	98.752.601.185	474.507.638.222	536.679.707.058	36.580.532.349
Thuế thu nhập cá nhân	5.713.743.921	5.270.309.698	10.938.980.492	45.073.127
Thuế nhập khẩu	138.872.286	45.200.454	183.714.462	358.278
Thuế bảo vệ môi trường	64.800.000	32.400.000	97.200.000	-
Khác	-	296.885.797	127.715.547	169.170.250
TỔNG CỘNG	225.462.074.067	482.532.843.250	668.819.374.236	39.175.543.081

16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/03/2025	01/01/2025
	VND	VND
Chiết khấu bộ chứng từ	59.900.320.000	-
Khác	6.184.065.167	2.755.507.742
CỘNG	66.084.385.167	2.755.507.742



TÔN ĐÔNG Á

TÔN KÈM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVD

ISO 9001

ISO 14001

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 - DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)*Vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày***17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	31/03/2025 VND	01/01/2025 VND
Vay ngắn hạn		
Vay ngân hàng	6.648.858.077.238	6.744.616.035.491
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả	3.211.122.995	3.211.122.995
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả	23.096.937.639	30.970.932.366
Trái phiếu chuyển đổi (Thuyết minh số 18)	-	-
CỘNG	6.675.166.137.872	6.778.798.090.852
Vay dài hạn		
Vay ngân hàng	34.008.346.366	24.083.422.460
Nợ thuê tài chính	48.922.012.098	42.507.412.098
CỘNG	82.930.358.464	66.590.834.558
TỔNG CỘNG	6.758.096.496.336	6.845.388.925.410

	31/03/2025 VND	31/03/2025 USD	01/01/2025 VND	01/01/2025 USD
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	6.675.166.137.872	121.209.051	6.778.798.090.852	126.545.798
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng - VND</i>	<i>3.552.277.238.081</i>		<i>3.513.487.754.429</i>	
Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN Đông Sài Gòn - TP.HCM	1.163.382.947.257		1.559.828.736.875	
Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - CN Tân Bình	1.075.102.735.480		644.099.775.843	
Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)	220.335.828.242		335.423.335.336	
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN Nam Bình Dương	349.184.069.175		266.839.530.853	
Ngân hàng United Overseas - CN HCM	148.024.515.914		31.450.350.589	
Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam - CN Sài Gòn	548.352.840.702		498.978.501.282	
Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Sài Gòn	47.894.301.311		176.867.523.651	
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng - USD</i>	<i>3.096.580.839.157</i>	<i>121.209.051</i>	<i>3.231.128.281.062</i>	<i>126.545.798</i>
Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - CN Tân Bình	1.285.610.999.016	50.420.484	1.855.364.430.613	72.647.131
Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN Đông Sài Gòn - TP.HCM	1.214.921.798.371	47.435.624	943.249.687.467	36.916.351
Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Kỹ Thương Việt Nam - CN Sài Gòn	363.641.608.552	14.249.671	23.474.224.685	918.721
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN Nam Bình Dương	157.329.048.485	6.157.693	-	-
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Bến Thành	75.077.384.733	2.945.579	409.039.938.297	16.063.595
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả	3.211.122.995		3.211.122.995	
Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)	3.211.122.995		3.211.122.995	
Trái phiếu chuyển đổi	-		-	
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	23.096.937.639		30.970.932.366	
Công Ty Cho Thuê Tài Chính TNHH MTV Quốc Tế Chailease	12.688.598.901		17.093.147.382	
Công Ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam	5.668.187.238		7.557.582.984	
Công Ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh	4.740.151.500		6.320.202.000	
Công Ty Cho Thuê Tài Chính TNHH BIDV - Sumi Trust - Chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh	-		-	
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	82.930.358.464		66.590.834.558	
<i>Vay dài hạn ngân hàng</i>	<i>34.008.346.366</i>		<i>24.083.422.460</i>	
Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)	34.008.346.366		24.083.422.460	
Nợ thuê tài chính dài hạn	48.922.012.098		42.507.412.098	
Công Ty Cho Thuê Tài Chính TNHH MTV Quốc Tế Chailease	29.102.979.054		22.688.379.054	
Công Ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh	14.150.845.832		14.150.845.832	
Công Ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam	5.668.187.212		5.668.187.212	
TỔNG	6.758.096.496.336	121.209.051	6.845.388.925.410	126.545.798

Lãi suất của các khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng bằng VND từ 4,00%/năm đến 6,00%/năm và bằng USD là từ 3,90%/năm đến 5,60%/năm. Lãi suất vay dài hạn ngân hàng bằng VND là 6,9%/năm. Lãi suất vay công ty thuê tài chính bằng VND là từ 6,56%/năm đến 8,26%/năm. Hình thức đảm bảo là tín chấp, hàng tồn kho, máy móc thiết bị, Phương tiện vận tải quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, trái phiếu.



CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

18. TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI

Thời điểm phát hành (năm)	Kỳ hạn	Số lượng trái phiếu	Mệnh giá (VND)	Lãi suất danh nghĩa (%/năm)	Lãi suất chiết khấu (%/năm)	Cấu phần vốn (VND)	Cấu phần nợ (VND)
Ngày 1 tháng 1 năm 2025 và Ngày 31 tháng 03 năm 2025	2014	3 năm	559.067	100.000	5 6,3	1.931.977.742	55.685.663.962

Vào ngày 17 tháng 3 năm 2014, Công ty đã ký kết Hợp đồng Đặt mua Trái phiếu (“HĐĐMTP”) với Công ty TNHH Posco Việt Nam (“Posco”). Công ty và Posco đã ký phụ lục mới nhất – Phụ lục số 9 của HĐĐMTP - ngày đáo hạn mới nhất sẽ là ngày 28 tháng 4 năm 2026.

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU.

19.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	Quỹ đầu tư và phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Kỳ trước							
Tại ngày 01/01/2024	1.146.915.100.000	834.436.453.483	1.931.977.742	3.430.602.730	1.630.396.692.504	2.139.747.901	3.619.250.574.360
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	95.413.974.309	34.580	95.414.008.889
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(28.674.266.009)	-	(28.674.266.009)
Khác	-	-	-	-	1.990.289.374	-	1.990.289.374
Tại ngày 31/03/2024	1.146.915.100.000	834.436.453.483	1.931.977.742	3.430.602.730	1.699.126.690.178	2.139.782.481	3.687.980.606.614
Kỳ này							
Tại ngày 01/01/2025	1.146.915.100.000	834.436.453.483	1.931.977.742	3.430.602.730	1.826.339.918.321	2.051.150.163	3.815.105.202.439
Cổ tức công bố	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	62.692.220.551	(1.528.213)	62.690.692.338
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(26.054.407.964)	-	(26.054.407.964)
Khác	-	-	-	-	(3.158.035.756)	-	(3.158.035.756)
Tại ngày 31/03/2025	1.146.915.100.000	834.436.453.483	1.931.977.742	3.430.602.730	1.859.819.695.153	2.049.621.950	3.848.583.451.058

Đơn vị tính: VND



TON DONG A

TÔN KẼM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001

ISO 14001

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**19.2 Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức cho cổ đông của công ty**

	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31/03/2025 VND	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31/03/2024 VND
<i>Vốn cổ phần</i>		
Số đầu kỳ	1.146.915.100.000	1.146.915.100.000
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	<u><u>1.146.915.100.000</u></u>	<u><u>1.146.915.100.000</u></u>

19.3 Cổ phiếu

	31/03/2025 VND Số cổ phiếu	01/01/2025 VND Số cổ phiếu
Cổ phiếu được phép phát hành	114.691.510	114.691.510
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	114.691.510	114.691.510
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>		
Cổ phiếu đang lưu hành	114.691.510	114.691.510
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>		



TON DONG A

TÔN KẼM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001

ISO 14001

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. DOANH THU****1.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31/03/2025 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31/03/2024 VND</i>
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.978.057.960.979	4.102.074.332.574
<i>Trong đó:</i>		
<i>Các bên khác</i>	3.955.408.008.843	4.074.615.080.770
<i>Các bên liên quan (Thuyết minh VII)</i>	22.649.952.136	27.459.251.804
Các khoản giảm trừ doanh thu	1.465.729.314	2.964.334.799
Doanh thu thuần	3.976.592.231.665	4.099.109.997.775
<i>Trong đó:</i>		
<i>Các bên khác</i>	3.953.942.279.529	4.071.650.745.971
<i>Các bên liên quan (Thuyết minh VII)</i>	22.649.952.136	27.459.251.804

1.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31/03/2025 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31/03/2024 VND</i>
Lãi tiền gửi, cho vay, trái phiếu	18.579.589.855	38.062.610.289
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái, khác	44.557.433.753	42.541.126.281
TỔNG CỘNG	63.137.023.608	80.603.736.570

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31/03/2025 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31/03/2024 VND</i>
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	3.694.136.378.519	3.752.433.609.571
TỔNG CỘNG	3.694.136.378.519	3.752.433.609.571



TON DONG A

TÔN KẼM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001

ISO 14001

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

3. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31/03/2025</i>	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31/03/2024</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Chi phí lãi vay, lãi thuê tài chính	60.157.646.415	52.271.842.346
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái, khác	20.532.457.839	9.689.021.755
TỔNG CỘNG	80.690.104.254	61.960.864.101

4. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31/03/2025</i>	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31/03/2024</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Chi phí vận chuyển và giao hàng	107.871.486.955	170.735.274.883
Chi phí lương nhân viên	14.885.066.243	13.421.010.696
Chi phí quảng cáo	9.861.642.677	15.560.027.221
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.292.377.323	23.526.354.482
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.104.638.818	2.010.546.879
TỔNG CỘNG	164.015.212.016	225.253.214.161

5. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31/03/2025</i>	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31/03/2024</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.411.748.802	8.157.422.220
Chi phí nhân viên	13.461.567.647	11.706.941.067
Chi phí khấu hao và hao mòn	2.021.297.677	2.408.440.430
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(2.604.382.460)	(1.118.392.638)
TỔNG CỘNG	21.290.231.666	21.154.411.079



TON DONG A

TÔN KẼM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001

ISO 14001

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

6. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31/03/2025</i>	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31/03/2024</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Thu nhập khác	2.914.972.852	1.857.505.183
Thu nhập từ bán phế liệu	936.993.317	1.356.563.787
Thanh lý tài sản cố định	1.588.415.165	112.281.528
Khác	389.564.370	388.659.868
Chi phí khác	907.419.229	555.766.401
Chi phí KHTS cố định ngừng sử dụng	237.668.805	505.988.708
Chi phí từ thanh lý phế liệu	332.842.258	-
Tiền phạt thuế	504.001	347.204
Khác	336.404.165	49.430.489
Lợi nhuận khác	2.007.553.623	1.301.738.782

7. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP:

	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31/03/2025</i>	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31/03/2024</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.380.409.079	46.569.515.187
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	16.533.781.024	(21.770.149.861)
Chi phí thuế TNDN	18.914.190.103	24.799.365.326



TON DONG A

TÔN KẼM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001

ISO 14001

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

VII. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước bao gồm:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31/03/2025	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31/03/2024
Công ty TNHH JFE Shoji Việt Nam	Cổ đông nắm giữ 5% vốn cổ phần	Mua hàng	793.327.925.382	1.199.333.471.308
		Bán hàng	22.649.952.136	27.459.251.804

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Tại ngày 31/03/2025	Tại ngày 01/01/2025
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Công ty TNHH JFE Shoji Việt Nam	Cổ đông nắm giữ 5% vốn cổ phần	Bán hàng	-	6.427.104.757
Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty TNHH JFE Shoji Việt Nam	Cổ đông nắm giữ 5% vốn cổ phần	Mua hàng	860.296.352.731	712.497.446.510



TON DONG A

TÔN KÈM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001

ISO 14001

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

VII. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN(TIẾP THEO)

Tên	Chức vụ	Thu nhập (*)	
		Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31/03/2025	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31/03/2024
Ông Nguyễn Thanh Trung	Chủ tịch HĐQT	60.000.000	1.265.400.000
Ông Hồ Song Ngọc	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	887.748.764	831.917.669
Ông Phạm Quốc Thắng	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	587.520.373	662.207.557
Ông Đoàn Vĩnh Phước	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	584.109.586	659.944.138
Ông Nguyễn Văn Đại	Phó Tổng Giám đốc	567.778.583	638.999.170
Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Thành viên HĐQT	5.700.000	5.700.000
Bà Lê Thị Phương Loan	Thành viên HĐQT	3.000.000	3.000.000
TỔNG CỘNG		2.695.857.306	4.067.168.534

(*) Bao gồm tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác.

Ngày 24 tháng 04 năm 2025

Người lập
(Ký, họ tên)

Võ Công Danh

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Trần Lệ Xuân

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Hồ Song Ngọc